

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2020/HS-ST

Ngày: 16-12-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Thượng Văn Kính.

2/ Ông Nguyễn Ngọc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 273/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2020/QĐXXST-HS ngày 02/12/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trịnh Minh Đ, sinh năm: 1997 tại Long An. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam. Con ông Trịnh Văn L và bà Hồ Thị M; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/5/2020 đến nay, có mặt.

Bị hại: Công ty Trách Nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ và Du lịch H (gọi tắt là Công ty H), địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1973; địa chỉ: Phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Từ Ngọc Tuyết N, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu phố B, phường B, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị Thanh N1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3. Anh Trần Hoàng Quốc H, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố C, phường CM, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu dân cư V, phường A, thành phố T1, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

5. Chị Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1989; địa chỉ: Phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

6. Anh Trần Phú B, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm X, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 10/2019, Trịnh Minh Đ được Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ và Du lịch H (gọi tắt là Công ty H) phân công làm nhân viên kinh doanh tư vấn dịch vụ tiệc và nhận tiền đặt cọc của khách hàng đến đặt tiệc tại nhà hàng S địa chỉ phường PT, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình làm việc từ ngày 01/11/2019 đến khoảng cuối tháng 12/2019, lợi dụng nhiệm vụ được giao Đ đã thực hiện hành vi nhận tiền đặt cọc của 07 (bảy) khách hàng đến đặt tiệc nhưng Đ không ghi chép thông tin của khách hàng vào sổ nhận tiệc và không nộp lại các hợp đồng nhận tiệc cho bộ phận thu ngân của Công ty H để chiếm đoạt tiền đặt cọc, cụ thể như sau:

- Vào các ngày 01/11/2019 và 19/11/2019, chị Từ Ngọc Tuyết N đặt cọc cho Đ số tiền 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng để thuê nhà hàng S tổ chức tiệc cưới vào ngày 29/02/2020.

- Ngày 29/11/2019, chị Phạm Thị Thanh N1 đặt cọc cho Đ số tiền 9.500.000 (Chín triệu năm trăm nghìn) đồng để thuê nhà hàng S tổ chức tiệc cưới vào ngày 05/01/2020.

- Ngày 30/11/2019, anh Trần Hoàng Quốc H đặt cọc cho Đ số tiền 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng để thuê nhà hàng S tổ chức tiệc cưới vào ngày 05/01/2020.

- Ngày 13/12/2019, chị Nguyễn Thị Hồng L là đại diện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 đặt cọc cho Đ số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng để thuê nhà hàng S tổ chức tiệc tất niên cho Công ty S1 vào ngày 10/01/2020.

- Ngày 16/12/2019, chị Huỳnh Ngọc M cùng chị Nguyễn Trung H và chị Nguyễn Thị Ai N đại diện Công ty TM đặt cọc cho Đ số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng để thuê nhà hàng S tổ chức tiệc tất niên cho công ty vào ngày 18/01/2020.

- Ngày 23/12/2019, chị Phan Thị H (Không rõ năm sinh và địa chỉ cư trú) đặt cọc cho Đ số tiền 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng để thuê nhà hàng S tổ chức tiệc cưới vào ngày 05/01/2020.

- Khoảng cuối tháng 12/2019, anh Trần Phú B đại diện Công ty bất động sản ĐNB đặt cọc cho Đ số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng để thuê nhà hàng S tổ chức tiệc tất niên cho công ty vào ngày 06/01/2020.

Như vậy, từ ngày 01/11/2019 đến cuối tháng 12/2019, Trịnh Minh Đ sau khi đã nhận tổng cộng số tiền đặt cọc là 153.500.000 (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng của 07 (bảy) khách hàng đến đặt tiệc tại nhà hàng S của Công ty H nhưng Đ không giao lại số tiền trên cho Công ty H mà chiếm đoạt để tiêu xài.

Đến ngày 29/12/2019, do Trịnh Minh Đ không đến nhà hàng S để làm việc và đại diện theo ủy quyền của Công ty H là anh Nguyễn Duy T nhiều lần gọi điện cho Đ nhưng Đ không bắt máy. Sau đó, các khách hàng đã đặt cọc tiền cho Đ đến nhà hàng S

để yêu cầu công ty làm hợp đồng chính thức thì anh T phát hiện Đ đã ký 07 (bảy) Hợp đồng đặt tiệc với chị Từ Ngọc Tuyết N, chị Phạm Thị Thanh N1, anh Trần Hoàng Quốc H, chị Nguyễn Thị Hồng L, chị Huỳnh Ngọc M, chị Phan Thị H, anh Trần Phú B và nhận tổng cộng số tiền đặt cọc là 153.500.000 (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng rồi bỏ trốn. Do đó, vào ngày 25/02/2020, anh Nguyễn Duy T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một để trình báo sự việc Trịnh Minh Đ lạm dụng tín Nệm chiếm đoạt số tiền 153.500.000 (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng của Công ty H.

Đối với 07 (bảy) khách hàng là chị Từ Ngọc Tuyết N, chị Phạm Thị Thanh N1, anh Trần Hoàng Quốc H, chị Nguyễn Thị Hồng L, chị Huỳnh Ngọc M, chị Phan Thị H, anh Trần Phú B đã đặt cọc tiền cho Đ để thuê nhà hàng S tổ chức tiệc thì Công ty H đã thực hiện nghĩa vụ tổ chức đầy đủ các dịch vụ tiệc cho 07 (bảy) khách hàng trên. Hiện chị N, chị N1, anh H, chị L, chị M, chị H và anh B không có yêu cầu gì đối với Trịnh Minh Đ và Công ty H. Còn đại diện theo ủy quyền của Công ty H là anh Nguyễn Duy T yêu cầu Trịnh Minh Đ bồi thường số tiền 153.500.000 (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng cho Công ty H.

Cáo trạng số 284/CT-VKS-HS ngày 14/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Trịnh Minh Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Minh Đ mức hình phạt tù 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 153.500.000 (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng cho Công ty H.

Về biện pháp tư pháp: Không có.

Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 01/11/2019 đến khoảng cuối tháng 12/2019, tại nhà hàng S, địa chỉ phường PT, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Trịnh Minh Đ lợi dụng nhiệm vụ được Công ty H giao, đã nhận tiền đặt cọc

của 07 (bảy) khách hàng đến đặt tiệc nhưng Đ không giao nộp số tiền trên và các hợp đồng nhận tiệc cho Công ty H mà chiếm đoạt tổng số tiền 153.500.000 (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng rồi bỏ trốn. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Công ty H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 153.500.000 (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng cho công ty. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên cho công ty. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Minh Đ phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Minh Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/5/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trịnh Minh Đ bồi thường cho bị hại Công ty Trách Nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ và Du lịch H số tiền 153.500.000 (Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về biện pháp tư pháp: Không có.

5. Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.675.000 (bảy triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Châu Giang